

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T D
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày 20-9-2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân & gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Moong Công Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Khăm Niên

Ông Thò Bá Tềnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ái - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 46/2021/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số **38/2021 ngày 30 tháng 8 năm 2021** giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* V Th V, sinh năm: 1978. Vắng mặt (Có đơn xét xử vắng mặt).

Trú tại: Bản H T1, xã M S, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* L V C, sinh năm: 1982. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Trú tại: Bản H T1, xã M S, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 08 tháng 4 năm 2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị V Th V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị V Th V kết hôn với anh L V C tìm hiểu yêu thương nhau thì kết hôn vào năm 2001. Chị V và anh C chung sống từ năm 2001 nhưng đến năm 2016 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã M S, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 23 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không

hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh C thường xuyên rượu chè bê tha, không chịu khó làm ăn, chị V đã khuyên nhủ rất nhiều lần nhưng anh không chịu sửa chữa, nay vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị xin được ly hôn với anh C để ổn định công việc và cuộc sống.

Về con chung: Chị V Th V và anh L V C có 02 con chung tên là các cháu là L Nh D, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2001 và cháu L M Đ, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2007. Hiện nay cháu D đã trưởng thành, không bị mất hay hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Đ hiện nay cháu đang ở với chị V. Nếu ly hôn đặt ra chị V có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị V Th V chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh L V C trong quá trình giải quyết luôn thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không đến Tòa án, mặc dù anh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh C cố tình vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L V C không chấp hành và không có mặt để làm việc trực tiếp tại Tòa án. Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì thêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V Th V; Về con chung: Giao cháu L M Đ, sinh ngày 07/11/2007 cho chị V Th V chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh L V C; cháu L Nh D đã trưởng thành nên không xem xét; Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh L V C có hộ khẩu thường trú tại bản H T1, xã M S, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia

đình giữa nguyên đơn chị V Th V và bị đơn anh L V C thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị V và anh C kết hôn với nhau vào năm 2001 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được UBND xã M S, huyện T D, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số 19/2016 ngày 23/12/2016 vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

1. Tình trạng hôn nhân: Chị V và anh C có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau, bản thân chị V không còn tình cảm với anh C và sống ly thân từ năm 2017. Tòa xét thấy tình trạng hôn nhân của chị V và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị V là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình

2. Con chung: Chị V và anh C có 02 con chung là cháu L Nh D, sinh năm 2001 hiện cháu đã trưởng thành và cháu L Nh D, sinh năm 2007 hiện cháu đang ở cùng với chị V. Nguyên vọng của chị V là xin được nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu Đ có nguyện vọng được sống cùng với chị V và chị V cũng có nguyện vọng được nuôi con. Xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của con cần giao cháu Đ cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Còn cháu L Nh D đã đủ 18 tuổi, không bị mất hay hạn chế năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Tài sản, nợ chung: Chị V chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Án phí và quyền kháng cáo: Chị V Th V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 47 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị V Th V được ly hôn với anh L V C.

2. Con chung:

- Cháu L Nh D, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2001 đã trưởng thành.
- Giao cháu L M Đ, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2007 cho chị V Th V được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành.
- Anh C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở
- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh C.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị V Th V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị V Th V phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000700 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H.T D;
- UBND xã M S;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.T D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Moong Công Hải